

Số: 376 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

Thực hiện Quyết định số 2708/QĐ-BTP ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2018. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019, như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện PBGDPL

Để thực hiện tốt công tác PBGDPL năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các kế hoạch sau đây:

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 30/01/2018 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2018.

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 07/03/2018 về thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 02/4/2018 thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh, thiếu niên” giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 09/4/2018 thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2018.



- Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 07/5/2018 về thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân” năm 2018.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 07/5/2018 về thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh, thiếu niên” năm 2018.

- Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 06/6/2018 về thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật” năm 2018.

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/7/2018, Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 12/10/2018 về việc tuyên truyền, phổ biến các đạo luật mới được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ tư và thứ năm.

Bên cạnh đó, ngày 23/3/2018, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh ban hành Kế hoạch số 298/KH-HĐPH về hoạt động của Hội đồng năm 2018.

Ủy ban nhân dân 15 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2018 để tổ chức triển khai thực hiện.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác PBGDPL được Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện tốt ngay từ đầu năm, triển khai kịp thời các nội dung, hình thức, biện pháp PBGDPL đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và kết quả thực hiện công tác PBGDPL

a) Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Ngày 20/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 623/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh Kiên Giang, có 39 thành viên trong hội đồng; cơ cấu thành phần phù hợp với Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Ở cấp huyện, 15/15 Hội đồng phối hợp PBGDPL đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định kiện toàn thành viên Hội đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế tại địa phương đồng thời ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của

Hội đồng. Số lượng thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL mỗi huyện, thành phố có từ 22 đến 41 người.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Tính đến nay, cấp tỉnh có 172 báo cáo viên pháp luật (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận bằng Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 21/11/2018); cấp huyện có 538 báo cáo viên; cấp xã có 2.432 tuyên truyền viên pháp luật. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đều đạt tiêu chuẩn theo quy định, có khả năng triển khai tuyên truyền các văn bản của Đảng, Nhà nước; thuyết phục vận động cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước (*kèm theo Biểu số: 09d/BTP/PBGDPL*).

b) Kết quả thực hiện công tác PBGDPL

Năm 2018, công tác PBGDPL có nhiều chuyển biến tích cực; nhất là công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện và kiểm tra công tác PBGDPL. Nội dung PBGDPL đã bám sát chủ trương đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn tuyên truyền, hình thức phổ biến pháp luật đa dạng: Tổ chức hội nghị tuyên truyền các đạo luật mới được Quốc hội khóa XIV thông qua, lồng ghép vào các cuộc họp, vào các chương trình, hoạt động của cơ quan, tổ chức; biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu tuyên truyền; tuyên truyền trên Báo Kiên Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Đài Truyền thanh cơ sở; Tủ sách pháp luật, các Bản tin chuyên ngành; tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở; sinh hoạt các loại hình câu lạc bộ pháp luật ở cơ sở... Toàn tỉnh, đã tổ chức 27.732 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 909.723 lượt người tham dự (tăng 2.408 cuộc và 165.108 lượt so với năm 2017); biên soạn, in và cấp phát 1.345.928 tài liệu PBGDPL miễn phí; tổ chức 49 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 6.001 lượt người tham dự; đăng tải 3.767 tin, bài trên phương tiện thông tin đại chúng và phát sóng 7.159 lần trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở (*kèm theo Biểu số: 10b/BTP/PBGDPL*).

c) Xây dựng văn bản hướng dẫn và kết quả tổ chức triển khai thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

Nhằm triển khai Ngày Pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1192/UBND-NCPC ngày 10/9/2018 về việc tổ chức triển khai thực hiện Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong đó, xác định hưởng ứng Ngày pháp luật là việc làm hàng ngày, thường xuyên của mỗi cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; tập trung vào đợt cao điểm tuyên truyền, phổ biến các luật, pháp lệnh và

các văn bản mới liên quan đến chính sách hỗ trợ khởi nghiệp hoặc liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp từ ngày 01/10 đến ngày 30/11/2018.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đã tuyên truyền các nội dung về mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật, nội dung của Hiến pháp và các luật, pháp lệnh mới ban hành; phổ biến pháp luật về đầu tư, kinh doanh, xuất nhập khẩu, thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, tín dụng...; các chính sách tư vấn, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh... với các hình thức phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của cơ quan, tổ chức, địa phương như: Treo áp phích, pa-nô, băng rôn, cờ, phướn trên đường phố chính, khu trung tâm, cơ quan, đơn vị, trường học, địa điểm công cộng; ra quân tình nguyện, hoạt động giáo dục ngoại khóa ngoài giờ lên lớp gắn với giáo dục khởi nghiệp; tư vấn pháp luật, thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, nhất là vụ việc tham gia tố tụng; mở phiên tòa xét xử lưu động; lồng ghép qua lễ hội, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ bài trừ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, phòng, chống tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật có sự tham gia rộng rãi của Nhân dân...

3. Kết quả tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

a) Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

Tiếp tục nâng cao chất lượng hòa giải viên và tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở, trên cơ sở Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp đã ban hành kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên năm 2018, phối hợp cùng Trường Trung cấp luật Vị Thanh (Hậu Giang) tổ chức 06 lớp đào tạo cho hòa giải viên cơ sở tại 6 huyện trong tỉnh. Nội dung tập huấn, bao gồm: Những nội dung cơ bản của pháp luật về hòa giải ở cơ sở, kiến thức pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở theo Chương trình khung do Bộ Tư pháp ban hành tại Quyết định số 4077/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Sau mỗi lớp đào tạo, hòa giải viên sẽ được Trường Trung cấp luật Vị Thanh cấp Giấy chứng nhận theo quy định. Đầu năm 2018 đến nay, tỉnh đã tổ chức được 04 lớp tại 04 huyện: An Biên, Châu Thành, Kiên Lương, Phú Quốc với 497 hòa giải viên tham dự và cấp 450 Giấy Chứng nhận cho hòa giải viên.

Ngoài ra, để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 376/STP-PBGDPL ngày 06/4/2018 về việc hướng dẫn công tác hòa giải năm 2018. Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ: Củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, tổ chức bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chuyên môn

nghiệp vụ cho hòa giải viên ở cơ sở; hướng dẫn thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán kinh phí cho công tác hòa giải; kiểm tra, uốn nắn, chấn chỉnh công tác hòa giải cũng như thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở được triển khai kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Tổ chức hòa giải ở cơ sở

Trong quá trình hoạt động, các tổ hòa giải thường xuyên được củng cố, kiện toàn phát triển về số lượng và chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn phù hợp với tình hình đặc điểm dân cư ở cơ sở. Đến nay, Tổ hòa giải được thành lập ở tất cả các ấp, khu phố và cụm dân cư; mỗi tổ hòa giải có từ 05 đến 10 hòa giải viên, nhiều nơi tổ hòa giải có trên 10 hòa giải viên.

Hiện nay, toàn tỉnh có 957 tổ/957 ấp, khu phố với 6.788 hòa giải viên (kèm theo Biểu số: 11d/BTP/PBGDPL/HGCS).

c) Hoạt động của tổ hòa giải

Năm 2018, các tổ hòa giải đã tiếp nhận 4.597 vụ việc; đã tổ chức đưa ra hòa giải 4.488 vụ việc; hòa giải thành 3.601 vụ việc, đạt 80% (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2017). Chất lượng hòa giải ngày càng được nâng cao, Nhân dân tự nguyện thi hành thỏa thuận của mình, hầu hết không tranh chấp lại (kèm theo Biểu số: 12d/BTP/PBGDPL/HGCS).

d) Kinh phí hòa giải ở cơ sở

Hầu hết, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đều phân bổ kinh phí đảm bảo thực hiện cho công tác hòa giải ở cơ sở phù hợp với quy định theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở được thực hiện tốt, triển khai kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

4. Kết quả thực hiện quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở

Ủy ban nhân dân tỉnh ra Công văn số 449/UBND-NCPC ngày 09/4/2018 về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp. Tính đến nay, có 39 xã,



phường, thị trấn tại 03 huyện: Kiên Lương, Vĩnh Thuận, Tân Hiệp và thành phố Rạch Giá được công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017.

Năm 2018, Sở Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tiếp tục thực hiện thẩm định 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới tại 04 huyện Giồng Riềng, An Minh, Kiên Hải và Kiên Lương. Qua kiểm tra điều kiện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg; hồ sơ và các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Ủy ban nhân dân các huyện đã thực hiện đúng theo quy định về công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Ngoài ra, trên cơ sở nội dung biên soạn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp in và cấp phát 320 cuốn Sổ tay hướng dẫn xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho các địa phương trong tỉnh.

5. Việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật

Toàn tỉnh đã thành lập 1.859 tủ sách pháp luật, ngăn sách pháp luật, có 964.783 đầu sách tại các xã, phường, thị trấn, cơ quan, trường học, ấp, khu phố. Trong đó, trang bị, khai thác, sử dụng 12 tủ sách tại các ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III (87 đầu sách/tủ), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tìm hiểu, nghiên cứu các chủ trương chính sách, quy định pháp luật, phục vụ tốt nhu cầu đời sống xã hội, sản xuất kinh doanh của người dân. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tiếp tục đầu tư thêm nhiều tủ sách mới và lập kế hoạch mua, bổ sung, trang bị những đầu sách pháp luật mới phục vụ công tác chuyên môn, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

6. Kinh phí dành cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở năm 2018 tại địa phương

Năm 2018, Ủy ban nhân dân các cấp đều phân bổ kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện theo quy định, với tổng số tiền là 4.312.534.000 đồng, trong đó:

- Cấp tỉnh: Kinh phí phân bổ, số tiền là 3.400.000.000 đồng (bao gồm các sở, ban, ngành và Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác PBGDPL).

- Cấp huyện: Kinh phí phân bổ, số tiền là 757.789.000 đồng.

- Cấp xã: Kinh phí phân bổ, số tiền là 154.745.000 đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật đã có nhiều chuyển biến tích cực; nhất là công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung PBGDPL đã bám sát chủ trương đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn tuyên truyền; hình thức tập huấn kiến thức pháp luật được đổi mới bằng hình thức trực tuyến tạo điều kiện cho báo cáo viên pháp luật ở cơ sở tham gia đầy đủ, các chương trình, đề án được tổ chức triển khai kịp thời theo quy định.

Các ngành, các cấp đã có sự phối hợp tốt trong chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL; tập trung triển khai các Đề án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Lực lượng làm công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật thường xuyên được quan tâm, củng cố, kiện toàn, góp phần vào hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật ở địa phương.

2. Hạn chế

- Đôi lúc chưa huy động được sức mạnh tập thể trong công tác phối hợp của các thành viên Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cán bộ pháp chế hầu hết là kiêm nhiệm nên hạn chế về thời gian, ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền trong cán bộ và Nhân dân; kỹ năng tuyên truyền của một số báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật còn hạn chế.

- Do đặc thù hòa giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của Nhân dân, chưa có chế độ phụ cấp cho hòa giải viên; kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải còn ít, không đủ để hoạt động, nhất là các xã có nguồn thu ngân sách thấp; công tác thi đua, khen thưởng đối với người làm công tác hòa giải ở cơ sở chưa quan tâm đúng mức. Từ đó ảnh hưởng tới sự nhiệt tình, tích cực của hòa giải viên.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT NĂM 2019

1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 và các kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ.

2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng, Nhà nước; các đạo luật mới được Quốc hội khóa XIV thông qua. Lựa chọn những văn bản pháp luật quan trọng đã ban hành trước đây có liên quan mật thiết tới đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân để tuyên truyền, phổ biến phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Thường xuyên củng cố, kiện toàn Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh, cấp huyện, đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở. Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình nhằm trang bị kiến thức pháp luật mới và nâng cao chất lượng trong công tác PBGDPL.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở; tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thù lao cho hòa giải viên.

5. Hưởng ứng, tổ chức “Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2019 hiệu quả, thiết thực phù hợp với đặc thù của đơn vị, địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. /

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp (Vụ PBGDPL);
- Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- TT. Hội đồng PHPGDPL tỉnh (Sở Tư pháp);
- Sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, NCPC;
- Lưu: VT, nttrng (1b).

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

Biểu số: 09d/BTP/PBGDPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP

ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**SỐ TUYỂN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT VÀ BÁO CÁO
VIÊN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Năm 2018)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018)

Đính kèm Báo cáo số **316** /BC-UBND

ngày 4 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: người

	Số tuyển truyền viên pháp luật cấp xã				Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện				Số báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh			
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	2,432	219	294	1,365	538	10	167	495	172	4	131	147
I. Sở Tư pháp	-	-	-	-	-	-	-	-	30	0	30	30
II. Trên địa bàn huyện	2,432	219	294	1,365	538	10	167	495	-	-	-	-
1. TP. Rạch Giá	390	31	18	328	32	0	7	32	-	-	-	-
2. H. An Biên	110	5	33	66	33	0	9	33	-	-	-	-
3. H. An Minh	45	0	15	41	35	1	4	35	-	-	-	-
4. H. Giang Thành	127	11	2	96	31	0	7	31	-	-	-	-
5. H. Giồng Riềng	288	33	0	0	25	0	25	25	-	-	-	-
6. H. Gò Quao	116	22	26	87	15	0	15	15	-	-	-	-
7. H. Kiên Hải	65	1	10	65	25	0	7	25	-	-	-	-
8. H. Kiên Lương	171	14	18	171	32	2	10	32	-	-	-	-
9. H. Phú Quốc	91	2	7	82	70	0	9	61	-	-	-	-
10. H. Tân Hiệp	182	2	44	115	61	0	25	61	-	-	-	-

11. H. Vĩnh Thuận	368	9	9	0	25	0	4	21	-	-	-	-
12. H. U Minh Thượng	48	5	17	26	67	2	8	57	-	-	-	-
13. H. Châu Thành	148	75	28	100	25	4	3	18	-	-	-	-
14. TP. Hà Tiên	134	2	21	84	27	0	23	27	-	-	-	-
15. H. Hòn Đất	149	7	46	104	35	1	11	22	-	-	-	-
III. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	142	4	101	117
1. Văn phòng UBND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	8	0	4	8
2. Sở Giao thông vận tải	-	-	-	-	-	-	-	-	3	0	1	2
3. Sở Công Thương	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	1	0
4. Sở NN và PTNT	-	-	-	-	-	-	-	-	8	0	3	3
5. Liên minh Hợp tác xã	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	0
6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	5	0	0	0
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	1
8. Sở Thông tin và Truyền thông	-	-	-	-	-	-	-	-	3	0	1	3
9. Ngân hàng Nhà nước KG	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
10. Thanh tra tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0	1	0
11. Trường Đại học KG	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
12. Trường CĐ KG	-	-	-	-	-	-	-	-	5	0	3	5
13. Trường CĐSP KG	-	-	-	-	-	-	-	-	3	0	0	3
14. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	1
15. Sở Du lịch	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0

16. Bộ đội biên phòng KG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	0	0	1
17. Cục Thuế KG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0	0	2
18. Hội Luật gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
19. Cục Hải quan KG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	1
20. Hội Cựu chiến binh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	0	0	0
21. Bảo hiểm xã hội KG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	0
22. Cục Thống kê	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
23. Báo Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
24. Vườn quốc gia Phú Quốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0	1	0
25. Hội Nông dân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
26. Ban Quản lý khu kinh tế Phú Quốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	0
27. Cảng Hàng hải	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	1
28. Liên đoàn lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	86	4	86	86
Các Sở, ban, ngành (Theo Quyết định 2626/QĐ- UBND ngày 21/11/2018)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Số liệu tổng hợp từ 15/15 huyện, thành phố và 28 sở, ban, ngành

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1: 486; Cột 5: 108; Cột 9: 34

Biểu số: 10b/BTTP/PBGDPLBan hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016**Ngày nhận báo cáo (BC):**

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÓ
BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)****TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo: năm 2018

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018)

Đính kèm Báo cáo số 376 /BC-UBND

ngày 4 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch -

Tài chính)

	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	27,732	909,723	49	6,001	1,345,928	1,504	7,159	3,767
I. Sở Tư pháp	10	2,372	1	29	2,372	0	-	103
II. Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh	8,700	361,750	18	3,810	1,289,743	0	-	2,154
1. Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	4	294	1	80	636	0	-	36
2. Sở Giao thông vận tải	1,000	30,000	0	0	1,000	0	-	5
3. Sở Công Thương	22	1,816	0	0	1,468	0	-	141
4. Liên đoàn Lao động tỉnh	3520	135,550	5	950	3,000	0	-	250
5. Sở Thông tin và Truyền thông	3	600	0	0	600	0	-	0

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	228	15,500	0	0	37,232	0	-	291
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	50	0	0	250	0	-	0
8. Báo Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	-	248
9. Sở Lao động - TB&XH	116	22,962	1	126	61,600	0	-	110
10. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	17	935	0	0	57,645	0	-	36
11. Hội Nông dân tỉnh	1	180	0	0	0	0	-	0
12. Thanh tra tỉnh	1	171	0	0	0	0	-	22
13. Liên minh Hợp tác xã tỉnh	26	1,088	0	0	1,088	0	-	178
14. Trường CĐ KG	2	3,050	0	0	0	0	-	15
15. Trường ĐH KG	48	3,500	0	0	0	0	-	12
16. Trường CDSP KG	12	420	1	150	0	0	-	1
17. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Kiên Giang	26	297	0	0	5	0	-	3
18. Cục Thuế Kiên Giang	7	350	0	0	0	0	-	288
19. Sở Du lịch	4	305	0	0	215	0	-	
20. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	5	541	1	1,284	20,000	0	-	1
21. Cục Hải quan KG	2	288	0	0	0	0	-	0
22. Vườn Quốc gia Phú Quốc	32	1,224	0	0	0	0	-	0
23. Hội Cựu chiến binh	7	1,273	3	165	14	0	-	3
24. Bảo hiểm Xã hội Kiên Giang	59	3,896	1	105	1,100,000	0	-	252
25. Cục Thống kê	16	1,040	0	0	1,040	0	-	5
26. Hội Luật gia	15	720	0	0	800	0	-	2
27. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	4	150	0	0	150	0	-	5
28. Cảng Hàng hải	3,520	135,550	5	950	3,000	0	-	250
III. Trên địa bàn huyện	19,022	545,601	30	2,162	53,813	1,504	7,159	1,510
1. TP. Rạch Giá	9,332	329,357	3	615	3,330	280	0	418

2. H. An Biên	2,936	5,225	0	0	3,837	0	4	80
3. H. An Minh	176	4,544	1	8	4,441	0	55	2
4. H. Giang Thành	96	3,370	0	0	930	100	0	0
5. H. Giồng Riềng	1,104	36,328	0	0	0	0	0	144
6. H. Gò Quao	689	19,525	13	384	1,689	580	190	0
7. H. Kiên Hải	91	4,384	1	185	3,215	0	2,432	608
8. H. Kiên Lương	298	6,967	6	875	15,500	0	288	48
9. H. Phú Quốc	72	2,461	1	30	1,222	265	3,138	0
10. H. Tân Hiệp	2,323	71,778	0	0	2,339	0	0	72
11. H. Vĩnh Thuận	509	17,302	0	0	0	0	0	0
12. H. U Minh Thượng	135	1,817	0	0	0	0	0	22
13. H. Châu Thành	458	12,694	4	15	1,472	279	0	36
14. TP. Hà Tiên	698	20,945	1	50	8,764	0	670	80
15. H. Hòn Đất	105	8,904	0	0	7,074	0	382	0

Ghi chú: Số liệu tổng hợp từ 15/15 huyện, thành phố và 28 sở, ban, ngành

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính **Cột 1: 5546; Cột 3: 10; Cột 5: 269.186; Cột 7: 1.432; Cột 8: 753**

Biểu số: 11d/BTP/PBGDPL/HGCS

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 03 năm sau

TỈNH HÌNH TỐ CHỨC, CÁN BỘ CỦA
TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Năm 2018)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch -
Tài chính)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018)

Đính kèm Báo cáo số 376 /BC-UBND
ngày 14 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh

	Số tổ hòa giải (Tổ)	Hòa giải viên (người)									
		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc		Chia theo trình độ chuyên môn		Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ		
			Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
Tổng số trên địa bàn tỉnh	957	6,788	5,281	1,507	6,101	687	57	6,731	4,485		
1. TP. Rạch Giá	72	493	332	161	458	35	23	470	383		
2. H. An Biên	74	525	435	90	480	45	0	525	324		
3. H. An Minh	78	530	417	113	517	13	4	526	441		
4. H. Giang Thành	28	168	123	45	152	16	0	168	153		
5. H. Giồng Riềng	128	964	701	263	859	105	7	957	964		
6. H. Gò Quao	100	719	600	119	524	195	2	717	502		
7. H. Kiên Hải	13	104	72	32	104	0	0	104	104		
8. H. Kiên Lương	44	272	197	75	241	31	1	271	100		
9. H. Phú Quốc	51	378	275	103	365	13	2	376	135		
10. H. Tân Hiệp	75	501	419	82	496	5	0	501	272		
11. H. Vĩnh Thuận	54	497	394	103	462	35	2	495	100		
12. H. U Minh Thượng	57	398	326	72	386	12	12	386	386		
13. H. Châu Thành	68	482	398	84	357	125	1	481	196		

14. TP. Hà Tiên	28	185	131	54	168	17	0	185	185
15. H. Hòn Đất	87	572	461	111	532	40	3	569	240

- Ghi chú: Số liệu tổng hợp từ 15/15 huyện, thành phố

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính **Cột 1: 191** ; **Cột 2: 1.357** ; **Cột 9: 897**